

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 11/9/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phúc Ân.
2. Ông Nguyễn Văn Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14B/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1980.

Đăng ký thường trú tại: khu dân cư M, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.

Đăng ký thường trú tại: khu dân cư M, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Lê

Thị T trình bày: chị và anh tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16-3-2016, có đăng ký tại UBND xã C, huyện C(nay là phường C, thành phố C), Hải Dương. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại gia đình anh H được 2 năm rồi mua đất, làm nhà ở khu dân cư M, phường C. Đến năm 2018, giữa hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H làm nghề lái xe nên thường xuyên vắng nhà, chị bị ốm không đủ sức khỏe lao động nên ở nhà. Sau đó anh H không về nhà chung sống với chị nữa. Vợ chồng có liên lạc qua điện thoại nhưng không biết anh H ở đâu và làm gì vì anh H không nói gì. Khoảng tháng 3 năm 2020, anh H có về nhà và anh chị chung sống được 1 tháng. Trong thời gian này chị có nói chuyện, động viên anh H ở nhà chịu khó làm kinh tế nhưng anh H không nghe mà vẫn tiếp tục bỏ đi. Từ đó đến nay chị không còn liên lạc gì và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 26/4/2000 và Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 16/11/2008. Hiện nay cháu H1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết và đề nghị được nuôi cháu Th. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh H. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của BLTTDS, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn H. Tuy nhiên anh H không đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Ông Nguyễn Văn O là bố đẻ của anh H trình bày: Anh H và chị T chung sống với gia đình ông được 2 năm rồi xây nhà ở khu dân cư M, phường C. Quá trình vợ chồng chung sống, ông không thấy có mâu thuẫn lớn cho đến tháng 4 năm 2018 thì anh H có làm kinh tế thua lỗ nên đi làm xa không về nhà. Đến khoảng tháng 3 năm 2020 anh H có về nhà và ở nhà được 1 tháng thì lại đi tiếp. Ông có hỏi thì anh H chỉ nói làm ở miền Nam nhưng không nói địa chỉ cụ thể.

- Bà Trần Thị T1 và ông Lê Văn S là bố mẹ của chị Lê Thị T trình bày: Quá trình chung sống, ông bà không thấy anh chị đánh cãi nhau. Tuy nhiên công việc của anh H không ổn định nên tháng 4 năm 2018 ông bà có nghe chị T nói về việc anh H bán xe ô tô và không về nhà cùng chung sống nữa. Sau đó đến tháng 3 năm 2020, anh H có về nhà được 1 tháng rồi lại đi. Theo ông bà nguyên nhân mâu

thuần là do anh H tự ý bán xe ô tô rồi bỏ đi không về, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Anh chị có 2 con chung là cháu Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn Th. Cháu H1 đã trưởng thành đi bộ đội, còn cháu Th ở cùng chị T.

Đại diện chính quyền khu dân cư M, phường C xác định: Từ tháng 4 năm 2018, anh không có mặt ở nhà và không ở cùng chị T nhưng không biết vì nguyên nhân gì. Đến tháng 4 năm 2020 anh H có về nhà nhưng chỉ được khoảng 1 tháng lại đi và hiện nay không rõ anh H đi đâu và làm gì.

Tại phiên tòa, chị T và anh H đều không có mặt.

Đại diện VKSND thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H

Về con chung: Giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 16/11/2008. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Thảo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Nguyễn Văn H có địa chỉ thường trú tại phường C, thành phố C. Theo công văn số 10282 ngày 01/7/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an xác định: không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh của anh Nguyễn Văn H. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 29/3/1999 tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C), tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, đến năm 2018 giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do việc làm kinh tế của anh H gặp khó khăn, dẫn đến việc anh H phải đi làm xa nhà trong một thời gian dài. Kể từ đó anh H không về nhà, không quan tâm, thăm hỏi vợ con và không cho biết anh ở đâu, làm gì. Khoảng đầu năm 2020, anh H có về nhà khoảng 1 tháng. Chị T đã khuyên giải, động viên anh H ở nhà để cùng nhau làm kinh tế và xây dựng gia đình nhưng anh H không chấp nhận và tiếp tục đi làm kinh tế xa nhà. Từ đó đến nay, anh H không liên lạc gì với chị T. Kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn, anh H cũng không có mặt theo giấy triệu tập nên vợ chồng không có điều kiện hòa giải, khắc phục mâu thuẫn. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 2 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 26/4/2000 và Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 16/11/2008. Hiện nay cháu H1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết và đề nghị được nuôi cháu Th. Cháu Th cũng có lời khai thể hiện nguyện vọng được ở cùng chị T nên cần thiết giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Xuân Th là phù hợp với điều kiện của chị T, phù hợp với nguyện vọng của con. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 16/11/2008 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006386 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị T đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường P, TP C;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hà